



ĐẤU ÁN VĂN HÓA TRONG TẬP TÙY BÚT “NHỮNG BƯỚC LANG THANG TRÊN HÈ PHỐ CỦA GÃ BÌNH NGUYỄN LỘC”

Trần Văn Minh¹

¹ Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 10/12/2012

Ngày chấp nhận: 25/03/2013

Title:

Cultural imprint of the south in the work “the step wandering the streets of Binh Nguyen Loc”

Từ khóa:

Tùy bút, dấu ấn văn hóa, giao lưu văn hóa, văn hóa truyền thống, phong cách nghệ thuật

Keywords:

Essay, mark on culture, cultural exchanges, cultural traditions, artistic styles

ABSTRACT

In fact composed diverse, rich and unique artistic style, the writer Binh Nguyen Loc has established a position quite sure in the array prose southern half of the twentieth century. His work contributed to recreate a real and profound changes in the lively social life, spiritual life of the community residents of southern land at western civilization began to introduce in our country.

Short stories and novels are genre writers forte Binh Nguyen Loc. However, can not ignore the contributions of the writer in the essay category. From the cultural perspective, the following article will focus on survey value of a work of art typical essay: The step wandering the streets of Binh Nguyen Loc; thereby, may read more, understand correctly, understand deeper writing career and prose style of Binh Nguyen Loc.

TÓM TẮT

Bằng thực tế sáng tác đa dạng, phong phú và phong cách nghệ thuật độc đáo, nhà văn Bình Nguyễn Lộc đã xác lập được một vị trí khá chắc chắn trong mảng văn xuôi Nam Bộ vào nửa sau thế kỷ XX. Tác phẩm của ông góp phần tái hiện lại một cách chân thực và sinh động những biến động sâu sắc trong đời sống xã hội, đời sống tinh thần của cộng đồng cư dân vùng đất phương Nam theo sự xâm nhập của văn minh phương Tây. Truyện ngắn và tiểu thuyết là hai thể loại sở trường của Bình Nguyễn Lộc. Tuy nhiên, không thể bỏ qua những đóng góp của nhà văn ở thể loại tùy bút. Từ góc nhìn văn hóa, bài viết sau đây sẽ tập trung khảo sát giá trị nội dung tư tưởng và nghệ thuật thể hiện của một tập tùy bút tiêu biểu – Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyễn Lộc; qua đó, có thể hiểu thêm, hiểu đúng, hiểu sâu sắc hơn về sự nghiệp sáng tác và phong cách văn xuôi Bình Nguyễn Lộc.

1 Sinh năm 1914, tại làng Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa (nay là thị trấn Tân Uyên, tỉnh Bình Dương), Bình Nguyễn Lộc là một tên tuổi lớn trên văn đàn ở miền Nam vào những thập niên 60, 70 của thế kỷ XX với sự nghiệp trước tác

khá đồ sộ ở nhiều thể loại, nhiều lĩnh vực khác nhau. Ngoài sáng tác văn chương (tiểu thuyết, truyện ngắn, tùy bút,...), ông còn tham gia chủ giải các tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam, Trung Quốc (*Văn chiêu hồn, Tự tình khúc, Thu*

dạ lữ hoài ngâm, Tỳ bà hành, Trường hận ca,...) và nghiên cứu cả về ngôn ngữ học, dân tộc học, y học (*Lột trần Việt ngữ, Luận thuyết y học,...*). Theo *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, chỉ trong hơn 10 năm (từ 1958 đến 1969) ông đã cho ra đời 17 quyển tiểu thuyết và tính đến năm 1974, ông đã viết được 1.000 truyện ngắn!

Bình Nguyên Lộc là một nhà văn giàu lòng yêu nước và tinh thần dân tộc. Tham gia kháng chiến từ sau 1945, tuần báo *Vui sống* do ông làm chủ bút tập hợp được nhiều cây bút yêu nước như: Sơn Nam, Trang Thế Hy, Hà Huy Hà (Kiên Giang), Tô Kiềm Ngân, Viễn Châu,... Cảm hứng chủ đạo ở hầu hết tác phẩm của Bình Nguyên Lộc là cảm hứng thế sự. Trong bối cảnh chính trị xã hội nhiều biến động, ông đứng hẳn về phía dân tộc để khẳng định, ngợi ca những chuẩn mực văn hóa, đạo đức truyền thống; đồng thời phê phán hiện tượng lai căng, học đòi, hãnh tiến. Trang viết của ông, vì thế, mang rõ dấu ấn văn hóa của cộng đồng cư dân vùng đất phương Nam. Văn phong Bình Nguyên Lộc thật giản dị, gần gũi, như một thứ đặc sản được tích hợp từ phương ngữ và tâm hồn, tính cách Nam Bộ.

Bằng sự nghiệp sáng tác phong phú, đa dạng và có chất lượng nghệ thuật cao, đóng góp của nhà văn Bình Nguyên Lộc cho văn xuôi Việt Nam hiện đại là không thể phủ nhận. Thế nhưng đã một thời gian khá dài, tên tuổi của ông có phần bị lãng quên; thăng hoặc, chỉ được điểm lướt qua trong các công trình văn học sử. Gần đây, văn chương Nam Bộ nói chung và sáng tác của Bình Nguyên Lộc nói riêng đã có được sự chú ý đáng kể. Tác phẩm của ông được sưu tầm khá đầy đủ và đã in thành *Tuyển tập* (Nguyễn Q. Thắng tuyển chọn, Nxb Văn học, 2004). Đây là tín hiệu đáng mừng, là cơ sở cần thiết cho các bước nghiên cứu tiếp theo về quá trình sáng tác và phong cách nghệ thuật của nhà văn.

2 Lâu nay trong văn học Việt Nam hiện đại, hễ nhắc tới thể loại tùy bút, độc giả sẽ nghĩ ngay tới Nguyễn Tuân: “*Sau ông người ta mới gương gao nhắc tới vài tên tuổi khác cũng đôi ba phen thử thách trong nghề - ấy là sau khi họ*

đã vượt qua con đường khốn khó, hai bên là hai cái vực: hoặc là viết giống Nguyễn Tuân, hoặc không phải là tùy bút” (Vương Trí Nhàn). Điều đó đúng, nhưng chưa đủ. Bởi dù có tài hoa, uyên bác đến đâu thì một mình cụ Nguyễn cũng không thể nào dựng lên nổi một lâu đài tùy bút nguy nga, lung linh nhiều sắc màu như thế. Còn phải kể đến một số cây bút nữa đã có tác phẩm hay ở thể loại này: Thạch Lam (Hà Nội băm sáu phố phường), Vũ Bằng (Thương nhớ mười hai), Nguyễn Trung Thành (Đường chúng ta đi), Nguyễn Thi (Dòng kinh quê hương), Hoàng Phủ Ngọc Tường (Ai đã đặt tên cho dòng sông?), Băng Sơn với hàng loạt tùy bút về Hà Nội... Trong số đó, không thể quên nhà văn Bình Nguyên Lộc với tập tùy bút *Những bước lang thang* trên hệ phố của gã Bình Nguyên Lộc, do nhà xuất bản Thịnh Ký in lần đầu vào năm 1966.

Gồm 18 đoản thiên thuộc dạng tùy bút văn hóa - phong tục, tác phẩm đã phục dựng lại thật sinh động cả một môi trường văn hóa rộng lớn: vùng đất Sài Gòn, vào nửa đầu thế kỷ XX. Dưới ngòi bút giàu chất trữ tình của Bình Nguyên Lộc, đó không chỉ là không gian sinh tồn mà còn là không gian nghĩa tình, nơi các thế hệ, các cộng đồng dân tộc, các tôn giáo,... bao đời chung sống hòa thuận, gắn bó bền chặt với nhau. Dấu ấn văn hóa in rõ nét trong tác phẩm, từ những phương diện của nội dung tư tưởng cho tới hình thức nghệ thuật thể hiện.

2.1 Trước hết, có thể xem tập tùy bút này như một “bảo tàng mini”, nơi còn lưu giữ được những *vẻ đẹp xưa* - những giá trị văn hóa đã dần mai một đi vì sức hủy hoại của thời gian và lối sống hiện đại. Đề tài của tác phẩm hết sức phong phú, đa dạng, bao quát hầu hết những phương diện đời sống: từ vật chất đến tinh thần, từ cảnh sắc thiên nhiên đến sinh hoạt xã hội của con người, từ cõi dương đến cõi âm, từ bản sắc văn hóa đến giao lưu văn hóa,... Hình như mọi sự việc, hiện tượng trong đời thường đều có thể trở thành đối tượng để khơi gợi suy tư, cảm xúc ở tác giả. Trên bước đường *lang thang*, gã lãng tử ấy luôn mở rộng tâm hồn để giao hòa với đất trời, cây cối, sông rạch, cầu đường,... Thiên nhiên dưới ngòi bút Bình Nguyên Lộc bao giờ cũng rất đổi duyên dáng, hữu tình, như những

người bạn đồng hành gần gũi, cảm thông với con người trong cuộc mưu sinh đầy nhọc nhằn.

Những hàng me Sài Gòn đã từng gọi lên bao nỗi niềm nhớ thương trong lòng lũ khách: “Ôi, những hàng me chợ Cũ, những hàng me phố Gia Long, những hàng me phố Tân Đa giao nhánh rợp bóng, những hàng me bầu bạn của người đi bộ về trưa, những hàng me tò mò dòm vào các cửa sổ tư gia, gửi vào đó những lá nhỏ li ti trên tóc cô gái bé, những hàng me tán xanh sậm quuyền luyền những tiếng dương cầm của ai trong cửa sổ vọng ra...”. *Sông Ông Lãnh* chảy qua thành phố như một nét duyên ngầm, không chỉ chở nặng phù sa mà còn mặn đắng vị mồ hôi, đậm đà nghĩa tình quê hương: “Con sông đặc biệt Á Đông với những chiếc ghe dùng làm nhà, trên mũi chùng vãi ba cây cảnh, trước mũi một con heo đứng ngơ ngác nhìn bờ, một con gà muồn cất cánh bay mà ngại chết đuối (...). Nên chi, đi xa mười năm, vẫn nhớ Sài Gòn. Không nhớ những phố lớn, nhà cao, vô vị vì nó giống phố nhà nơi khác, mà nhớ con sông nhỏ, khổ đau vì chở nặng những ghe chài khảm lừ hàng hóa (...). Sông con ơi! Sài Gòn làm đóm làm dáng mà người vẫn dơ, vẫn hôi mùi bùn non, mùi nước mắm, hôi cái mùi của những chị cần lao. Nhưng chính cái mùi hỗn hợp ấy đã làm cho người dễ thương biết bao”.

Sự giao lưu văn hóa đã diễn ra hết sức sâu sắc trong đời sống cộng đồng ở vùng đất Sài Gòn. Bằng chứng sinh động nhất là sự tồn tại của một hệ thống đình chùa, đền miếu thật đa dạng. Bởi vì “Dân tộc Việt Nam rất khoan hồng về tín ngưỡng”, cho nên: “Không tôn giáo nào không có đền thờ ở Sài Gòn”. Có đủ cả chùa Việt, chùa Tàu, chùa Ấn, nhà thờ Cơ Đốc giáo,... Tuy nhiên, nghệ thuật kiến trúc, theo tác giả, chưa thể hiện được bản sắc riêng: “Chùa Tam Tông Miếu đã được sửa chữa lại, phong độ cũng khá hùng vĩ đó. Nhưng lối kiến trúc kỳ quặc của ngôi chùa này khiến con người bỡ ngỡ biết bao. Phía trước mặt tiền chùa có dáng Tàu cổ, nhưng phía sau, cái nóc tròn lại nhắc nhở đến lối kiến trúc Thổ Nhĩ Kỳ hay La Mã (...). Sài Gòn của ta không có chùa ra hồn chùa về mặt kiến trúc”. Những cảm nhận tuy có nét chủ quan nhưng không phải không có cơ sở, cho thấy một *mối quan hoài thường trực* (chữ

dùng của nhà văn Nguyễn Minh Châu) của tác giả về các giá trị văn hóa dân tộc.

Những con phố cũ của Sài Gòn qua cách miêu tả, ví von vừa tài hoa uyên bác vừa hóm hỉnh của Bình Nguyên Lộc, chợt trở nên thật sinh động, khó quên. Nhà văn luôn lấy ra được cái hồn cốt lịch sử, văn hóa tiềm ẩn đằng sau mỗi tên phố, tên đường; để từ đó mà khẳng định và hết lời ngợi ca nét tinh tế, tài tình của các tác giả dân gian: “Tuy nhiên, cũng phải nhìn nhận rằng đô thành đặt tên thật khéo. Công chúa Huyền Trân ở một căn phố buồn hiu, sau dinh Độc Lập, buồn như con đường thiên lý ngàn dặm băng rừng đưa công chúa từ Việt sang Chiêm. Còn cái phố nhiều tiệm mì, tiệm ăn và tầu lâu trong Chợ Lớn mà đặt tên là phố Tân Đa thì tuyệt diệu. Bởi Tân Đa không phải là thi sĩ mà thôi, lại còn là thực sĩ nữa... Sài Gòn có một con phố cong queo một cách rất ngộ nghĩnh, được đặt tên là phố Cống Quỳnh. Thật là khéo, vì cách hành động và lập luận của ông Cống Quỳnh cũng cong cong queo queo như con phố kỳ dị ấy”.

Không chỉ chú tâm phục dựng những giá trị văn hóa hữu hình, Bình Nguyên Lộc còn nhập thân được vào đời sống tinh thần của cư dân Sài Gòn xưa để cảm nhận một cách tinh tế những cung bậc cảm xúc được ghi lại qua làn điệu ca dao dân ca trữ tình ngọt ngào. Đời sống vật chất dù còn nhiều vất vả, lo toan, nhưng thế giới tâm hồn người Sài Gòn vẫn luôn dạt dào yêu thương, tình nghĩa. Tình yêu lứa đôi, với những vui buồn muôn thuở của nó, được bộc bạch thật hồn nhiên. Bắt đầu bằng lời thách đố dễ thương:

*“Bấp non mà nương hỏa lò
Đố ai ve được con đò Thủ Thiêm*

Ngày xưa trên bờ sông Bến Nghé, chắc có một cây đa, tàn lá sum sê. Trong bóng mát cây đa ấy nhiều bộ hành đụt nắng chờ đợi một chuyến đò ngang. Cô lái đò hẳn là đẹp lắm, và nhút là đứng đắn lắm, nên cả vạn trai Sài Gòn mới thách đố nhau cái kỳ công oái oăm ấy”.

Tình yêu bao giờ cũng gắn với khát vọng hạnh phúc và lòng thủy chung. Khi cần thê thốt, người Sài Gòn không bóng gió xa xôi mà lấy chính những sự vật, hiện tượng gần gũi để minh chứng cho lòng dạ sắt son của mình:

*“Bao giờ cầu quay nọ hết quay
Thì qua với bậu mới đứt dây can thường*

Trời ơi là thương! Yêu nhau không có non có biển để chi mà thề, nên đành lấy chiếc cầu sắt kiên cố nối liền đường Võ Di Nguy (G. Guynemer) và đường Trịnh Minh Thế (J. Eudel) để khắc lời nguyện!”.

Nhưng rồi thời cuộc thay đổi. Những vẻ đẹp xưa dần mai một đi. Tình yêu bỗng chốc trở nên sòng phẳng, lạnh lùng thật đáng buồn. Đứng trên lập trường dân tộc và đạo lý truyền thống, Bình Nguyên Lộc cảm thấy xót xa trước sự biến đổi quá nhanh chóng của thể thái nhân tình. Có lúc ông bức dọc thốt lên: “Tình duyên! Ôi tình duyên Sài Gòn ba lãng nhăng lắm”:

- *“Gái đàng Mối xem tường không mới
Trai Bến Thành xét lại chẳng thành
Ngày ngày qua lại em, anh
Có xu có túi mới thành ngõi nhân*

Thì ra xu thế của đồng tiền cũng khá rõ rệt ngày xưa kia rồi. Truyền thống xu, túi ấy được người Sài Gòn ngày nay thừa tự và nâng lên đến độ tuyệt vời”.

- *“Bước lên xe kiếng đi viếng mã chồng
Cỏ non chưa mọc, trong lòng thọ thai*

... Và người đàn bà Sài Gòn ở đầu thế kỷ này đã xem nhẹ tiết hạnh khả phong rồi đó. Đời sống đô thị dĩ nhiên đưa đến tâm trạng ấy, không đổ thừa cho chiến tranh được vì thuở ấy làm gì có chiến tranh, phim khiêu dâm, tác phẩm hiện sinh?”.

Những tiếng rao hàng ban đêm giữa dòng sông Ông Lãnh cũng được ghi lại đây ám ảnh trên trang tùy bút của Bình Nguyên Lộc. Bởi những thanh âm đó không đơn thuần là lời rao, mà hình như đã nhập vào thân phận, để ký thác nỗi lòng của từng mảnh đời lam lũ trong cuộc mưu sinh:

*... Ai... chè đậu... cháo cá... hông?
... Ai... ăn bột khoai, bún tàu... đậu xanh, nước
dừa, đường cát... hông?
... Pánh pò, pánh tiu, dò chó quẩy...?
... Tào phụng đang hột dưa... đây!
... Kẹo đậu phộng trà Huế hông?*

Bình Nguyên Lộc vốn không thuộc nhóm cư dân bản địa, có gốc gác lâu đời ở Sài Gòn. Nhưng phải công nhận rằng nhà văn đã xác lập được mối quan hệ thân thiết, bền chặt với đất đai và con người; để không chỉ tái hiện lại chân thực, sinh động bức tranh đời sống mà còn phác họa thành công những nét cơ bản nhất diện mạo của một vùng văn hóa đặc sắc. Để làm được điều đó, chỉ với tài năng thôi thì chưa đủ, cần phải có quan niệm nghệ thuật đúng đắn và một tấm lòng yêu thương thường trực, biết xót đau trước thân phận con người.

2.2 Qua tập tùy bút *Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc*, tác giả đã cung cấp cho người đọc nhiều thông tin có ý nghĩa văn hóa về đời sống sinh hoạt của cộng đồng dân cư ở vùng đất Sài Gòn, vào khoảng giữa thế kỷ XX. Nhưng thuật sự chưa phải là mục đích trước hết và duy nhất, chính cái mạch trữ tình lúc dào dạt, mãnh liệt, khi bàng bạc, thâm trầm, mới góp phần quan trọng để làm nên sức ám ảnh lâu bền cho trang viết của Bình Nguyên Lộc. Phương thức trần thuật trực tiếp được sử dụng trong hầu hết các đoạn thiên tùy bút. Nhân vật trữ tình luôn xuất hiện ở ngôi thứ nhất, là cái tôi đa sầu đa cảm của chính tác giả. Có thể nhận ra hai trạng thái cảm xúc được bộc lộ rõ nét nhất trong tác phẩm là *thương* và *nhớ*.

Mỗi khi cần bộc lộ cảm xúc trực tiếp, Bình Nguyên Lộc thường dùng chữ *thương* thay cho chữ *yêu*. Có lẽ vì nó gợi cảm giác gần gũi, chân tình, nên phù hợp hơn với đối tượng là những cảnh đời dân dã, vất vả ngược xuôi. Mang tâm trạng một kẻ ly hương, gã lãng tử đất Đồng Nai luôn khao khát được trái lòng mình để giao hòa, cảm thông với đời sống xung quanh. Ông thương những hàng me mỗi mùa thay lá: “Lòng sầu xứ quê của những kẻ lạc loài vào đô thị Sài Gòn được dịp đi vài phần khi nhìn những hàng me Nguyễn Du và Hồng Thập Tự ngã màu rồi lại thắm màu... Tôi *thương* Sài Gòn vì những hàng me”, thương con sông Ông Lãnh gắn bó thân thiết với cuộc sống cần lao: “Sông con ơi! Sài Gòn làm đóm làm dáng mà người vẫn dơ, vẫn hôi mùi bùn non, mùi nước mắm, hôi cái mùi của những chị cần lao. Nhưng

chính cái mùi hỗn hợp ấy đã làm cho người *đẽ thương biết bao*”.

Nói rằng thương cảnh vật, nhưng thực chất tấm lòng nhà văn luôn hướng về phía cuộc sống con người để mà cảm thông, sẻ chia. Đây không phải là thứ tình cảm ủy mị, sụt sướt kiêu cải lương, cũng không như lòng thương hại của người ở tầng lớp trên đối với những kẻ nghèo khó. Thật giản dị, gần gũi mà thâm thúy, bởi đó là tình người cao cả, vượt lên trên mọi định kiến, toan tính hẹp hòi: “Tình đất Sài Gòn tằm mác trong người, trong vật... Vì hiềm hoi nên tình như không thỏa. Vì không thỏa nó mới cố gắng lắng sâu như để tìm chính mình, trong chỗ không có gì hết”.

Thương và mong ước điều tốt đẹp cho đồng bào mình. Nhưng sự thay đổi quá nhanh chóng của thời cuộc mang tới những hệ lụy không hề mong đợi. Trên bước đường *lang thang*, gã lãng tử còn phải đau lòng chứng kiến bao cảnh tượng xô bồ, hỗn tạp, phản văn hóa; những thứ luôn có cơ hội nảy sinh và tồn tại trong xã hội tân thời. Gần giống như khi Nguyễn Tuân viết *Vang bóng một thời*, Thạch Lam viết *Hà Nội băm sáu phố phường*, Vũ Bằng viết *Thương nhớ mười hai*, Bình Nguyên Lộc cũng bày tỏ niềm xót xa, tiếc nuối về những điều tốt đẹp đã bị mai một đi trước sức tấn công của mãnh lực đồng tiền. Bởi lối sống hiện đại đã “cơ khí hóa tâm hồn con người” (Nguyễn Tuân), làm cho con người trở nên lạnh lùng, nhẫn tâm, sòng phẳng hơn. Cảm quan văn hóa và mối quan tâm thường trực đến thân phận con người đã góp phần làm nên độ tinh nhạy kỳ lạ ở người nghệ sĩ, để có thể nhập thân vào đối tượng miêu tả mà khám phá ra những chiều kích ý nghĩa sâu xa.

Nhìn cái chợ “Lạc-sơn Tây” (nơi bán đầu giá đồ cổ), nhà văn vừa tỏ ra bất bình trước thói hãnh tiến, hợm hĩnh của bọn trường giả học làm sang vừa ngậm ngùi cho những giá trị nghệ thuật bị hắt hủi, lãng quên: “Cái xã hội Lạc-sơn Tây này thật là ngộ nghĩnh... Có những cô me cặp tay đức lang quân đen hay trắng, mua liều, mua linh khiến người ta phải sốt ruột giùm cho đồng tiền của họ... Người ngộ nghĩnh, đồ vật lại băng khuâng. Có những lọ sứ cô, những đợc

binh xưa, của gia bảo, đợc các ca các cùm gìn giữ mấy đời liền trong một gia đình giàu có nào đó, nay bỗng dưng vì thời loạn khó giữ của, hoặc vì thế hệ này suy sụp không làm tròn đợc sứ mạng gia truyền nữa (...) đành phải rời tú kiếng hậu đờng, tú kiếng mà trước đây, người bạn thân nhất của chủ nhơn chưa để gì mở ra để rờ mó cái da men láng mịn. Chúng ra khỏi tú kiếng và rất rầu lòng mà phải ngồi chung với những bộ tách trà đời nay không đòi các một chút xíu nào, phải đứng gần những chiếc đờng hồ đứt dây thiều, những cây quạt máy gãy cánh”.

Mặc dù sau này đi học trường Tây, nhưng qua văn chương người đọc vẫn nhận ra ở Bình Nguyên Lộc một *tấm lòng An Nam* thuần phác, luôn tôn thờ và nuôi tiếc những giá trị truyền thống. Trang viết của ông, suy đến cùng, không chỉ bộc lộ tài năng mà hình như còn ký thác ở đó thật nhiều tâm huyết; là tác lòng của một trí thức chân chính đối với đất nước và dân tộc.

3 Văn phong Bình Nguyên Lộc vừa gần gũi với cách viết của những cây bút văn xuôi tiêu biểu Nam Bộ thời kỳ này vừa có nét duyên dáng riêng, thật độc đáo. Trước hết phải kể đến giọng điệu: bao giờ cũng là giọng điềm đạm, trầm tĩnh, đôn hậu, nhẹ nhàng mà thâm trầm, ý vị. Khi viết tác phẩm *Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc*, nhà văn bước sang tuổi 52. Ở độ tuổi này, con người có thể *tri thiên mệnh*, nghĩa là đã đủ trải nghiệm để ngộ ra những chân lý trong cuộc đời và không còn hoài nghi, lẩn lộn giả chân nữa. Giọng văn của ông, vì thế, là giọng kể chuyện, giọng tâm tình của một người lịch lãm, uyên bác mà rất mực bình dị, cận nhân tình. Cả khi phê phán cái xấu, ông cũng không quá gay gắt, nặng lời: “Sài Gòn thay đổi như chong chóng. Trong cái sự quay cuồng ấy, lòng con người cũng ngược xuôi tui bụi vì họ thấy không cần thủy chung như ở nhà quê nữa. Ở đây thuyền dờn, mà bến cũng dờn tuốt...”. Giọng điệu chủ đạo này vừa bộc lộ rõ *cái tạng* của nhà văn vừa gần gũi với một nét tính cách Nam Bộ: hiền lành nhưng cương quyết, hiếu hòa nhưng không thỏa hiệp với cái ác, rất mực yêu thương con người nhưng không dung túng cho thói xấu xa, vô đạo đức.

Cũng không phải vì thế mà trở nên đơn điệu, nhàm tẻ, giọng điệu văn chương của Bình Nguyên Lộc có sự chuyển đổi linh hoạt để luôn phù hợp với nội dung tư tưởng, cảm xúc. Có lúc khách quan bình tán như một người ngoài cuộc: “Mỗi con điều có cá tính riêng của nó. Có con điều trầm lặng, lang thang thong thả như người khách nhàn du dạo mát buổi chiều. Có con điều hung hăng, lồng lộn như ngựa chững. Có con điều lẳng xẵng như một anh chàng nóng tánh, ngồi đứng không yên chỗ. Có con điều không biết nhớ đất hay sao mà thỉnh thoảng cứ chúm mũi toan đâm đầu xuống, nhưng rồi lại trồi trở lên ngay vì có lẽ nó biết kiếp điều là phải ở trên đó...”. Có lúc như nhập thân vào cảnh vật và đời sống cần lao của người dân để cảm thông, sẻ chia, trân trọng; không hề có sự đố kỵ, phân biệt: “Ba trăm năm nữa Sài Gòn chúng ta vẫn còn chứa chấp một nước Tàu nhỏ (...), đó là nước Tàu thủ phận, chỉ mong được chén cơm hàng ngày (...) đã tô lên một góc Sài Gòn một biệt sắc riêng, làm cho gương mặt của nó thêm một nét ngộ nghĩnh thâm kín dễ yêu”.

Đôi khi điềm nhìn để quan sát và cảm nhận của tác giả có sự giao thoa, hòa trộn giữa khách quan với chủ quan (trực tiếp kể lại sự việc rồi gián tiếp bày tỏ cảm xúc, quan điểm đánh giá của riêng mình): “Dân Sài Gòn quả đã bỏ mất hết khiếu tế nhị trong việc ăn uống. Người ta nấu bánh canh giò heo cho họ mà họ cứ im lặng nhận lấy, không phân đôi bao giờ. Không, món bánh canh phải nấu bằng cá rô, hay tẹ lấm bằng cá lóc. Cũng không được phép gia vị bằng hành tây. Chỉ có hành hương trồng ở thôn quê, mới bốc hương lên khi được thả trôi trên nước bánh canh sôi sùng sục. Bánh canh của cô hàng hai chèo là một món quà “thống nhất”: nước, bánh, cá, hành, tiêu, cả bốn thứ đoàn kết với nhau để biến thành một khối duy nhất... đồng đội xung phong lên công kích các hạch nước miếng của khách đêm”.

Bình Nguyên Lộc đã tránh được lối kể chuyện hoặc nôm na hoặc cà kê, dài dòng văn tự. Cả thuật sự và trữ tình, cả nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn đều dễ hiểu, dễ cảm. Đó không phải thứ câu chữ ngô nghê được làm ra từ một tay nghề non nớt, chưa sạch nước cần trong văn chương; mà trái lại, chính là những nét chấm

phá tài tình từ công phu của bậc cao thủ, đủ sức sáng tạo nên một bức ký họa thật giản ước mà bao quát toàn cảnh hiện thực đời sống nhỏ nhãng, bừa bộn buổi giao thời.

Có thể kể thêm một nét độc đáo của ngòi bút Bình Nguyên Lộc, góp phần làm nên cảm giác thú vị cho độc giả: đó là chất hóm hỉnh nhẹ nhàng, tinh tế. Thấp thoáng đằng sau trang sách có ánh nhìn tinh nghịch và nụ cười đầy ngụ ý của tác giả. Cảnh xô bồ, hợm hĩnh ở nơi bán đấu giá đồ cổ đủ khiến người ta phải phì cười mà lắc đầu ngao ngán cho thế thái nhân tình: “Những kẻ mua hàng ở Lạc sơn Tây, luôn luôn mua hớ vì họ say máu ngà trong việc tranh mua, sôi nổi vô cùng. Nếu lão sói đầu ra giá ba ngàn đồng, thì chỉ có vài người quyết mua mới đưa tay lên mà thôi. Cái giá hai trăm rất buồn cười ấy làm cho hàng trăm cánh tay mọc lên thỉnh linh và một lượt vớ nhau, bao nhiêu chàng thất nghiệp đi lang thang trên hè phố..., bao nhiêu kẻ hiếu kỳ, bao nhiêu ông già bà cả mà răng lung lay rất sợ thức ăn lạnh, đều tham gia đấu giá vì tham của rẻ... Có những ông sang trọng quá chừng mà sao cứ mua giành với những người không sắm nổi đồ mới. Có những cô me cặp tay đức lang quân đen hay trắng, mua liều, mua lĩnh khiến người ta phải sốt ruột giùm cho đồng tiền của họ”. Giữa những đoạn văn miêu tả cảnh nhị tì hoang vu, lạnh lẽo lại thấy xen vào một câu thật hóm: “Những đêm mưa dầm, ma ở đây chắc không lạnh bao nhiêu, vì quanh họ đông đúc những gương mặt thân yêu, tha hồ mà trò chuyện cho ấm lòng”. Gượng vui thôi để khuấy khỏa, để an ủi, nên miệng cười mà lòng thì cứ buồn tênh!

Câu văn trong tập tùy bút *Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc* thật đẹp và giàu chất thơ. Phương ngữ Nam Bộ xuất hiện không nhiều, chỉ vừa đủ để làm nên một nét duyên ngầm. Hình như nhà văn không muốn chế biến thêm một món “đặc sản” ngôn từ, nên đã dồn sức vào việc chắt lọc từ ngữ, trau chuốt âm điệu, lựa chọn hình ảnh,... hơn là đưa vào tác phẩm thật nhiều phương ngữ Nam Bộ. Mọi thứ vừa tự nhiên vừa lấp lánh vẻ đẹp của trí tuệ, của công phu sáng tạo. Ở phương diện này, thiết nghĩ cần ghi nhận đóng góp của nhà văn Bình Nguyên Lộc trong ý thức đưa văn

chương Nam Bộ hòa nhập với những giá trị văn hóa chung của cộng đồng dân tộc.

4 Trong bài viết *Thương một nhánh mai* đăng trên tạp chí *Kiến thức ngày nay*, số xuân 1998, nhà thơ Viễn Phương có nêu cảm nghĩ của mình cái chết lạnh lẽo, cô đơn nơi xứ người của nhà văn Bình Nguyên Lộc: “Tôi nghĩ rằng nhà văn Bình Nguyên Lộc không phải chết vì khói thuốc mà ông chết còn vì nỗi nhớ quê hương, nỗi buồn xa xứ, một căn bệnh thường gặm nhấm trái tim mong manh của những người già phải sống xa quê” (Bình Nguyên Lộc được con bảo lãnh sang Mỹ - chú thích của TVM). Như chúng ta đã biết: chỉ mới rời Đồng Nai lên Sài Gòn thôi mà trong tâm hồn của gã lãng tử ấy đã dào dạt một nỗi niềm nhớ thương, nuối tiếc đến quặn lòng về cố hương thì việc phải dứt áo ra đi để sống kiếp tha hương nơi xứ người, với Bình Nguyên Lộc, quả là một niềm đau vượt quá sức chịu đựng. Bình Nguyên Lộc đã sống trọn cuộc đời mình qua hết thảy những biến động dữ dội của lịch sử dân tộc trong thế kỷ XX. Vậy mà trước sau, nhà văn vẫn giữ vẹn một tấm lòng son. Văn chương của ông vừa bộc lộ nhân cách và tài năng của một nghệ sĩ chân chính, vừa để ký thác niềm riêng gửi lại cho mai sau.

Riêng tập tùy bút *Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc*, với giá trị nội dung sâu sắc và phẩm chất nghệ thuật độc đáo, thực sự nó đã có một vị trí xứng đáng trên văn đàn hiện đại. Mặt khác, đóng góp của nhà văn Bình Nguyên Lộc sẽ càng đáng được trân trọng hơn nữa khi tiếp cận tác phẩm ấy từ góc độ văn hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Hạnh, Nguyễn Ngọc Phan (2008), *Văn học thời kỳ 1945-1975 ở thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, tr. 182, 183
2. Mai Quốc Liên chủ biên (2002), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX (Văn xuôi đầu thế kỷ)*, quyển một, tập IV, Nxb Văn học, HN.
3. Vương Trí Nhàn (1997), *Tạp chí Văn học* số 6.
4. Viễn Phương (1997), “Thương một nhánh mai (Nhớ anh Bình Nguyên Lộc)”, *Tạp chí Kiến thức ngày nay* (số xuân).
5. Nguyễn Q. Thắng (1999), *Từ điển tác gia Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin.
6. Nguyễn Q. Thắng tuyển chọn (2004), *Tuyển tập Bình Nguyên Lộc*, Nxb Văn học, HN.